**TRƯỜNG ĐẠI HỌC THÀNH ĐÔ**

**KHOA CÔNG NGHỆ THÔNG TIN**

----------🙡 🟑 🙣----------



**MÔN: CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC**

***CHỦ ĐỀ 18: THỰC TRẠNG GIA ĐÌNH Ở VIỆT NAM HIỆN NAY***

***CHÍNH SÁCH GIA ĐÌNH CỦA ĐẢNG, NHÀ NƯỚC TA***

**GIẢNG VIÊN HƯỚNG DẪN: NGÔ THỊ NGỌC LINH**

**NHÓM 18: NGUYỄN HẢI NAM – 1900247**

**HÀ THÀNH AN – 1900088**

**TRẦN QUANG ANH – 1900176**

**VŨ ĐỨC TUẤN – 1900295**

**PHẠM VĂN TRỌNG - 1900112**

**LỚP: D101 - K11**

***Hà Nội, 2023***

**MỤC LỤC**

[**PHẦN MỞ ĐẦU 2**](#_Toc130329623)

[**1. Tính cấp thiết của đề tài 2**](#_Toc130329624)

[**2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu đề tài 2**](#_Toc130329625)

[**3. Đối tượng nghiên cứu và phạm vi nghiên cứu 2**](#_Toc130329626)

[**4. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu 2**](#_Toc130329627)

[**5. Ý nghĩa lí luận và thực tiễn của đề tài 3**](#_Toc130329628)

[**PHẦN 1: PHẦN LÍ LUẬN 4**](#_Toc130329629)

[**1.1. Một số quan niệm chung về gia đình và gia đình Việt Nam hiện nay 4**](#_Toc130329630)

[**1.2. Cơ sở xây dựng gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội 5**](#_Toc130329631)

[**1.3. Sự biến đổi của gia đình Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội 6**](#_Toc130329632)

[**1.4 Thực trạng gia đình Việt Nam hiện nay 8**](#_Toc130329633)

[**1.5 Phương hướng cơ bản xây dựng và phát triển gia đình Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội 11**](#_Toc130329634)

[**PHẦN 2: LIÊN HỆ BẢN THÂN 12**](#_Toc130329635)

[**2.1 Quan điểm cá nhân về tình trạng hôn nhân đồng tính 12**](#_Toc130329636)

[**KẾT LUẬN 14**](#_Toc130329637)

**PHẦN MỞ ĐẦU**

**1. Tính cấp thiết của đề tài**

Có thể nói, gia đình là vấn đề của mọi dân tộc và thời đại. Gia đình có vai trò quyết định sự tồn tại, vận động và phát triển của xã hội. Muốn có một xã hội phát triển lành mạnh thì phải quan tâm xây dựng tế bào gia đình tốt. Trong các xã hội dựa trên cơ sở của chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất, sự bất bình đẳng trong quan hệ xã hội và quan hệ gia đình đã hạn chế rất lớn đến sự tác động của gia đình đối với xã hội. Chỉ khi con người được yên ấm, hòa thuận trong gia đình, thì mới có thể yên tâm lao động, sáng tạo và đóng góp sức mình cho xã hội và ngược lại. Chính vì vậy, quan tâm xây dựng quan hệ xã hội, quan hệ gia đình bình đẳng, hạnh phúc là vấn đề hết sức quan trọng trong cách mạng xã hội chủ nghĩa. Xuất phát từ bối cảnh trên đặt ra câu hỏi: Thực trạng của gia đình Việt Nam trong thời kỳ đổi mới này như thế nào? Giải pháp xây dựng và phát triển gia đình Việt Nam hiện nay? Với mục đích trả lời cho những câu hỏi trên, em chọn đề tài: “ Lí luận chung về gia đình và thực trạng, giải pháp xây dựng, phát triển gia đình ở Việt Nam hiện nay” cho tiểu luận của mình.

**2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu đề tài**

Mục đích nghiên cứu của đề tài: giúp cho bản thân cùng với các bạn sinh viên Học viện Ngân Hàng hiểu rõ hơn về gia đình cũng như thực trạng, giải pháp xây dựng, phát triển gia đình Việt Nam trong thời kì quá độ lên xã hội chủ nghĩa.

Để có thể đạt được mục đích nghiên cứu thì cần phân tích rõ ràng, làm sáng tỏ cơ sở lý luận về gia đình, nêu ra thực trạng của gia đình Việt Nam hiện nay và đưa ra được giải pháp xây dựng gia đình trong thời kì mới.

**3. Đối tượng nghiên cứu và phạm vi nghiên cứu**

- Đối tượng nghiên cứu: Gia đình trên toàn Thế giới và gia đình ở Việt Nam

- Phạm vi nghiên cứu: Trên toàn thế giới và Việt Nam, đặc biệt là Việt Nam trong thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

**4. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu**

Cơ sở lý luận: Quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin.

Phương pháp nghiên cứu: đề tài sử dụng phương pháp luận biện chứng duy vật với các phương pháp như: thống nhất lôgic và lịch sử, phân tích, tổng hợp, khái quát hóa và hệ thống hóa.

**5. Ý nghĩa lí luận và thực tiễn của đề tài**

Đề tài khái quát được lý luận chung của chủ nghĩa xã hội khoa học về vấn đề gia đình và cơ sở xây dựng gia đình trong thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội, phân tích sự biến đổi của gia đình trong thời kỳ quá độ lên CNXH ở Việt Nam hiện nay và liên hệ với thực trạng, giải pháp xây dựng, phát triển gia đình ở Việt Nam từ đó liên hệ với bản thân và gia đình.

**PHẦN 1: PHẦN LÍ LUẬN**

### 1.1. Một số quan niệm chung về gia đình và gia đình Việt Nam hiện nay

**1.1.1. Khái niệm và đặc điểm**

Gia đình là một cộng đồng người đặc biệt, có vai trò quyết định đến sự tồn tại và phát triển của xã hội. C.Mác và Ph.Ăngghen, khi đề cập đến gia đình đã cho rằng:”… hàng ngày tái tạo ra đời sống của bản thân mình, con người bắt đầu tạo ra những người khác, sinh sôi, nảy nở -đó là quan hệ giữa chồng và vợ, cha mẹ và con cái, đó là gia đình”.

Cơ sở hình thành gia đình là hai mối quan hệ cơ bản, quan hệ hôn nhân và quan hệ huyết thống.

Trong gia đình, ngoài hai mối quan hệ cơ bản là quan hệ giữa vợ và chồng, quan hệ giữa cha mẹ với con cái, còn có các mối quan hệ khác, quan hệ giữa ông bà với cháu chắt, giữa anh chị em với nhau, giữa cô, dì, chú bác với cháu, quan hệ cha mẹ nuôi với con nuôi…Các quan hệ này có mối liên hệ chặt chẽ với nhau và biến đổi, phát triển phụ thuộc vào trình độ phát triển kinh tế và thể chế chính trị -xã hội.

Như vậy, gia đình là một hình thức cộng đồng xã hội đặc biệt, được hình thành, duy trì và củng cố chủ yếu dựa trên cơ sở hôn nhân, quan hệ huyết thống và quan hệ nuôi dưỡng, cùng với những quy định về quyền và nghĩa vụ của các thành viên trong gia đình.

**1.1.2. Vị trí, vai trò của gia đình trong xã hội.**

- Gia đình là tế bào của xã hội

- Trình độ phát triển kinh tế-xã hội quyết định quy mô, kết cấu, hình thức tổ chức và kết cấu của gia đình.

- Gia đình là một thiết chế cơ sở, đặc thù của xã hội; là cầu nối giữa cá nhân với xã hội.

- Gia đình là tổ ấm, mang lại các giá trị hạnh phúc, sự hài hòa trong đời sống cá nhân của mỗi thành viên.

**1.1.3. Chức năng cơ bản của gia đình**

- Chức năng tái sản xuất ra con người.

- Chức năng nuôi dưỡng, giáo dục.

- Chức năng kinh tế và tổ chức tiêu dùng.

- Chức năng thỏa mãn nhu cầu tâm sinh lý, duy trì tình cảm gia đình.

Ngoài những chức năng trên, gia đình còn có chức năng văn hóa, chức năng chính trị...

### 1.2. Cơ sở xây dựng gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội

**1.2.1. Cơ sở kinh tế-xã hội**

Cơ sở kinh tế -xã hội cho việc xây dựng gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội chính là sự phát triển của lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa .Cốt lõi của quan hệ sản xuất ấy là từng bước hình thành chế độ công hữu và từ đó thay thế chế độ tư hữu, là cơ sở để tạo nên sự bình đẳng giới và bình đẳng giữa các thành viên gia đình, từ đó đặt nền tảng cho một kiểu gia đình mới tốt đẹp.

**1.2.2. Cơ sở chính trị-xã hội**

Cơ sở chính trị để xây dựng gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội là việc thiết lập chính quyền nhà nước của giai cấp công nhân và nhân dân lao động, nhà nước xã hội chủ nghĩa. Trong đó, lần đầu tiên trong lịch sử, nhân dân lao động được thực hiện quyền lực của mình không có sự phân biệt giữa nam và nữ. Nhà nước cũng chính là công cụ xóa bỏ những luật lệ cũ kỹ, lạc hậu, đè nặng lên vai người phụ nữ đồng thời thực hiện việc giải phóng phụ nữ và bảo vệ hạnh phúc gia đình.

Hệ thống pháp luật và chính sách xã hội của nhà nước xã hội chủ nghĩa vừa định hướng vừa thúc đẩy quá trình hình thành gia đình mới trong thời kỳ quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội.

**1.2.3. Cơ sở văn hóa**

Cơ sở văn hóa cho việc xây dựng gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội chính là nền văn hóa mới xã hội chủ nghĩa, vừa kế thừa những giá trị văn hóa dân tộc và nhân loại tốt đẹp, vừa sáng tạo những giá trị văn hóa mới. Chống lại những quan điểm không đúng, những hiện tượng không đúng về hôn nhân, những cổ hủ của gia đình cũ. Những giá trị, chuẩn mực văn hóa mới được hình thành tạo nên nền tảng điều chỉnh các mối quan hệ gia đình.

**1.2.4. Chế độ hôn nhân tiến bộ**

- Hôn nhân tự nguyện.

- Hôn nhân tiến bộ, một vợ một chồng, vợ chồng bình đẳng.

- Hôn nhân được đảm bảo về pháp lí.

### 1.3. Sự biến đổi của gia đình Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội

**1.3.1 Biến đổi quy mô, kết cấu của gia đình**

Gia đình Việt Nam ngày nay có thể được coi là “gia đình quá độ” trong bước chuyển biến từ xã hội nông nghiệp cổ truyền sang xã hội công nghiệp hiện đại. Quy mô gia đình Việt Nam ngày càng thu nhỏ, đáp ứng những nhu cầu và điều kiện của thời đại mới đặt ra. cấu trúc gia đình truyền thống (đa thế hệ) dần tan ra, từng bước được thay thế bằng cấu trúc gia đình hạt nhân (hai thế hệ).

Theo số liệu của các cuộc điêu tra dân số qua các năm cho thấy, quy mô gia đình Việt Nam đã giảm từ mức trung bình 5,22 người/hộ năm 1970 xuống còn 4,61 người/hộ năm 1999 và đến hiện tại còn thấp hơn nữa.

Tất nhiên, quá trình biến đổi đó cũng gây những phân chức năng như tạo ra sự ngăn cách không gian giữa các thành viên trong gia đình, tạo khó khăn, trở lực trong việc gìn giữ tình cảm cũng như các giá trị văn hóa truyền thống của gia đình.

**1.2 Biến đổi các chức năng của gia đình**

**1.2.1. Chức năng tái sản xuất ra con người**

Với những thành tựu của y học hiện đại, hiện nay việc sinh đẻ được các gia đình tiến hành một cách chủ động. Hơn nữa, việc sinh con còn chịu sự điều chỉnh bởi chính sách xã hội của Nhà nước, tùy theo tình hình dân số và nhu cầu về sức lao động của xã hội.

Nếu như trước kia, do ảnh hưởng của phong tục, tập quán và nhu cầu sản xuất nông nghiệp, gia đình Việt Nam truyền thống: phải có con, càng đông con càng tốt và nhất thiết phải có con trai nối dõi thì ngày nay, nhu cầu ấy đã có những thay đổi căn bản: thể hiện ở việc giảm mức sinh của phụ nữ, giảm số con mong muốn và giảm nhu cầu nhất thiết phải có con trai của các cặp vợ chồng. Trong gia đình hiện đại, sự bền vững của hôn nhân phụ thuộc rất nhiều vào các yếu tố tâm lý, tình cảm, kinh tế, chứ không phải chỉ là các yếu tố có con hay không có con, có con trai hay không có con trai như gia đình truyền thống.

**1.2.2. Biến đổi chức năng kinh tế và tổ chức tiêu dùng**

Xét một cách khái quát, cho đến nay kinh tế gia đình đã có hai bước chuyển mang tính bước ngoặt: Thứ nhất, từ kinh tế tự cấp tự túc thành kinh tế hàng hóa. Thứ hai, từ đơn vị kinh tế mà đặc trưng là sản xuất hàng hóa đáp ứng nhu cầu của thị trường quốc ra thành tổ chức kinh tế của nền kinh tế thị trường hiện đại đáp ứng nhu cầu gia thị trường toàn cầu.

**1.2.3. Biến đổi chức năng giáo dục( xã hội hóa)**

Nội dung giáo dục gia đình hiện nay không chỉ nặng về giáo dục đạo đức, ứng xử trong gia đình, dòng họ, làng xã như trước kia, mà hướng đến giáo dục kiến thức khoa học hiện đại, trang bị công cụ để con cái hòa nhập với thế giới.

Tuy nhiên, sự phát triển của hệ thống giáo dục xã hội, cùng với sự phát triển kinh tế hiện nay, vai trò giáo dục của các chủ thể trong gia đình có xu hướng giảm. Những hiện tượng tiêu cực trong nhà trường và xã hội gia tăng làm cho sự kỳ vọng và niềm tin của các bậc cha mẹ vào hệ thống giáo dục xã hội trong việc rèn luyện đạo đức, nhân cách cho con em của họ đã giảm đi rất nhiều so với trước đây. Mâu thuẫn này là một thực tế chưa có lời giải hữu hiệu ở Việt Nam hiện nay. Những tác động trên đây làm giảm sút đáng kể vai trò của gia đình trong thực hiện chức năng xã hội hóa, giáo dục trẻ em ở nước ta thời gian qua.

**1.2.4. Biến đổi chức năng thỏa mãn nhu cầu tâm sinh lý, duy trì tình cảm**

Trong gia đình Việt Nam hiện nay, nhu cầu thỏa mãn tâm lý -tình cảm đang tăng lên, do gia đình có xu hướng chuyển đổi từ chủ yếu là đơn vị kinh tế sang chủ yếu là đơn vị tình cảm. Hiện nay, các gia đình đang đối mặt với rất nhiều khó khăn, thách thức. Đặc biệt, trong tương lai gần, khi mà tỷ lệ các gia đình chỉ có một con tăng lên thì đời sống tâm lý -tình cảm của nhiều trẻ em và kể cả người lớn cũng sẽ kém phong phú hơn.

Tác động của công nghiệp hóa và toàn cầu hóa dẫn tới tình trạng phân hóa giàu nghèo sâu sắc, Nhà nước cần có chính sách hỗ trợ các hộ nghèo, khắc phục khoảng cách giàu nghèo đang có xu hướng ngày càng gia tăng.

Cùng với đó, vấn đề đặt ra là cần phải thay đổi quan niệm truyển thống về giới tính trong gia đình. Nó đòi hỏi phải hình thành những chuẩn mực mới, bảo đảm sự hài hòa lợi ích giữa các thành viên trong gia đình cũng như lợi ích giữa gia đình và xã hội.

**1.2.5 Sự biến đổi quan hệ gia đình**

* **Biến đổi quan hệ hôn nhân và quan hệ vợ chồng**

Trong thực tế, hôn nhân và gia đình Việt Nam đang phải đối mặt với những thách thức, biến đổi lớn. Dưới tác động của cơ chế thị trường, khoa học công nghệ hiện đại, toàn cầu hóa... khiến các gia đình phải gánh chịu nhiều mặt trái như: quan hệ vợ chồng -gia đình lỏng lẻo, gia tăng tỷ lệ ly hôn, ngoại tình,...Đồng thời xuất hiện nhiều bi kịch như thảm án gia đình, xâm hại tình dục… Ngoài ra, sức ép từ cuộc sống hiện đại cũng khiến hôn nhân trở nên khó khăn với nhiều người trong xã hội.

Trong gia đình Việt Nam hiện nay, mô hình người chủ gia đình cũng đang thay đổi. Ngoài mô hình người đàn ông -người chồng làm chủ gia đình ra thì còn có ít nhất hai mô hình khác cùng tồn tại. Đó là mô hình người phụ nữ -người vợ làm chủ gia đình và mô hình cả hai vợ chồng cùng làm chủ gia đình.

* **Biến đổi quan hệ giữa các thế hệ, các giá trị, chuẩn mực văn hóa của gia đình**

Trong bối cảnh xã hội Việt Nam hiện nay, quan hệ giữa các thế hệ cũng như các giá trị, chuẩn mực văn hóa của gia đình cũng không ngừng biến đổi. Trong gia đình hiện đại, việc giáo dục trẻ em gần như phó mặc cho nhà trường thay vì được dạy bảo của ông bà, cha mẹ từ khi còn nhỏ như gia đình truyền thống. Người cao tuổi trong các gia đình hiện đại cũng ít được sống cùng con cháu như gia đình xưa.

Những biến đổi trong quan hệ gia đình cho thấy, thách thức lớn nhất đặt ra cho gia đình Việt Nam là mâu thuẫn giữa các thế hệ, do sự khác biệt về tuổi tác, khi cùng chung sống với nhau.

### 1.4 Thực trạng gia đình Việt Nam hiện nay

* **Mặt tích cực**

Xã hội Việt Nam hiện nay đang tồn tại song song hai loại hình gia đình đó là gia đình truyền thống và gia đình hạt nhân.

Hiện nay gia đình ở Việt Nam vẫn là gia đình truyền thống đa chức năng. Vẫn có các chức năng cơ bản như: chức năng kinh tế, chức năng tiêu dùng, chức năng tái sản xuất, chức năng nuôi dưỡng giáo dục… Các chức năng này không những có vai trò quan trọng đối với từng thành viên trong gia đình mà còn tác động mạnh mẽ tới sự phát triển kinh tế xã hội của đất nước ta.

Trình độ kinh tế -xã hội phát triển, sự du nhập hòa nhập của nhiều nền văn hóa khác nhau trên thế giới cùng với công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước ngày càng nhanh chóng đã tác động sâu sắc đến quy mô và nếp sống của gia đình Việt Nam. Quy mô của gia đình ngày nay ngày càng thu nhỏ, phần lớn là các gia đình hạt nhân trong đó chỉ có một cặp vợ chồng (bố mẹ) và con cái của họ sinh ra. Gia đình hạt nhân đang có xu hướng ngày càng tăng. Theo kết quả Tổng điều tra năm 2019, số người bình quân trong hộ liên tục giảm, TĐTDS 1979 là 5,22 người/hộ; 1989 là 4,84 người/hộ; 1999 là 4,6 người hộ; 2009 là 3,8 người/hộ; TĐTDS năm 2019 có tổng số 26,870 triệu hộ, bình quân mỗi hộ có 3,5 người/hộ, thấp hơn 0,3 người/hộ so với năm 2009. Điều này cho thấy xu thế quy mô hộ gia đình nhỏ đã hình thành và ổn định ở nước ta và quy mô này vẫn tiếp tục giảm.

Trước hết, gia đình hạt nhân tồn tại như một đơn vị độc lập, gọn nhẹ, linh hoạt và có khả năng thích ứng nhanh với các biến đổi xã hội. Gia đình hạt nhân có sự độc lập về quan hệ kinh tế. Kiểu gia đình này tạo cho mỗi thành viên khoảng không gian tự do tương đối lớn để phát triển tự do cá nhân. Vai trò cá nhân được đề cao. Sự bình đẳng giới giữa nam và nữ hiện nay, đời sống riêng tư của con người ngày càng được tôn trọng hơn, các mâu thuẫn xung đột phát sinh từ gia đình cũng giảm đi, cha mẹ có thể chăm sóc con cái tốt hơn. Sự bình đẳng giới là một nét biến đổi trong gia đình Việt Nam hiện nay và đang thu hút được rất nhiều sự quan tâm, đồng tình của xã hội. Phụ nữ ngày càng có tiếng nói hơn, có quyền quyết định, được nêu ý kiến của mình hơn trước đây góp phần tạo điều kiện cho người phụ nữ được phát huy hết mọi tiềm năng của mình trong quá trình hội nhập và phát triển.

* **Mặt tiêu cực**

Lẽ đương nhiên, bên cạnh những điểm sáng của gia đình hiện nay thì còn khá nhiều thách thức. Trong những năm gần đây xã hội Việt Nam có những chuyển biến cực nhanh so với các giai đoạn trước, biểu hiện rõ ở các vấn đề sau đây:

Tuổi kết hôn trung bình lần đầu của cả nam và nữ có xu hướng tăng. Theo kết quả Tổng điều tra năm 2019 cho thấy, tuổi kết hôn trung bình lần đầu là 25,2 tuổi (tăng 0,7 tuổi so với năm 2009). Trong đó, tuổi kết hôn trung bình của nam giới cao hơn nữ giới 4,1 tuổi (tương ứng là 27,2 tuổi và 23,1 tuổi). Qua số liệu trên ta thấy rằng cả nam và nữ ở nước ta đang có xu hướng lập gia đình muộn bởi nhiều lý do khác nhau.

Hiện nay ở nước ta vẫn còn tình trạng tảo hôn. Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam quy định tuổi kết hôn đối với nam giới là đủ 20 tuổi, đối với nữ giới là đủ 18 tuổi. Như vậy, kết hôn trước 15 tuổi hoặc trước 18 tuổi sẽ không được pháp luật thừa nhận và được gọi là “tảo hôn”. Theo số liệu thống kê của Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019, Tỷ lệ phụ nữ từ 20-24 tuổi kết hôn lần đầu trước 15 tuổi là 0,4% và kết hôn lần đầu trước 18 tuổi là 9,1%. Vấn đề này chủ yếu xảy ra ở vung dân tộc thiểu số.

"Sống thử " cũng đang là một hiện tượng xã hội xuất hiện khá phổ biến đối với sinh viên, công nhân ở các khu công nghiệp, các đô thị. Hiện tượng này đang gia tăng cho thấy gia đình đang mất dần chức năng kiểm soát tình dục. Điều đó dẫn đến tình trạng nạo phá thai ngày càng gia tăng. Tỷ lệ nạo phá thai độ tuổi vị thành niên ở Việt Nam cao nhất trong các nước Đông Nam Á. Việt Nam cũng là 1 trong 5 quốc gia có tỷ lệ nạo phá thai cao nhất thế giới.

Một vấn đề khác cũng đang báo động đó là tình trạng ly hôn. Số vụ ly hôn ngày càng tăng dần và phía sau đó kéo theo nhiều hệ lụy đau lòng không chỉ cho gia đình mà còn tác động tiêu cực đến toàn xã hội. Con cái không được sống đầy đủ trong sự yêu thương của cả cha lẫn mẹ, ảnh hưởng tới tâm lý, sự hình thành nhân cách của trẻ em. Những số liệu gần đây cho thấy, hơn 30% các cặp vợ chồng trẻ ly hôn sau chưa đầy 3 năm chung sống. Trung bình mỗi năm có khoảng 600.000 vụ ly hôn, trong đó 70% vụ do phụ nữ đệ đơn.

Ngoài ra bạo lực gia đình cũng đang là vấn nạn của xã hội, gây nhức nhối cho nhân loại, để lại nhiều hậu quả nghiêm trọng cho con người, nhất là đối với phụ nữ, trẻ em. Đây cũng chính là nguyên nhân lý giải vì sao nhiều phụ nữ đứng đơn xin ly hôn. Bạo lực về gia đình rất đa dạng có cả bạo lực về vật chất và bạo lực về tinh thần. Pháp luật cần nghiêm khắc xử lý vấn đề này.

Gần đây tệ nạn xã hội thâm nhập vào gia đình và tội phạm trẻ em có nguyên nhân xuất phát từ gia đình tăng mạnh .Sự giảm sút của vai trò gia đình trong giáo dục trẻ em, truyền thống, kỷ cương, nề nếp trong gia đình bị buông lỏng làm cho chức năng kiểm soát trẻ em mất hiệu quả .

Đất nước đang ở thời kỳ cách mạng 4.0, internet và mạng xã hội đang phổ biến ở mỗi gia đình. Chính vì thế tình trạng ở nhiều gia đình, các thành viên dành thời gian cho smartphone, mạng xã hội…hơn là việc trò chuyện với gia đình. Nó khiến cho mối quan hệ gia đình lỏng lẻo hơn.

### 1.5 Phương hướng cơ bản xây dựng và phát triển gia đình Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội

Thứ nhất, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng và Nhà nước, của các cấp chính quyền địa phương đối với công tác gia đình.

Thứ hai, đẩy mạnh công tác truyền thông, giáo dục, vận động nhằm nâng cao nhận thức của cộng đồng và các thành viên trong gia đình về vị trí, vai trò của gia đình trong thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

Thứ ba, quan tâm đến vấn đề phát triển kinh tế gia đình, có chính sách ưu tiên hỗ trợ phát triển kinh tế gia đình cho các gia đình chính sách, gia đình có công với đất nước, gia đình thuộc dân tộc thiểu số, hộ nghèo, khó khăn hoặc đặc biệt khó khăn, gia đình đang sinh sống ở vùng sâu, vùng xa của Tổ quốc.

Thứ tư, tiếp tục xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật, chính sách và hệ tống dịch vụ xã hội liên quan đến gia đình, đặc biệt ở những vùng khó khăn, vùng sâu, vùng xa, khu công nghiệp, các nơi phát triển công nghiệp phải di dân.

**PHẦN 2: LIÊN HỆ BẢN THÂN**

### 2.1 Quan điểm cá nhân về tình trạng hôn nhân đồng tính

“Quyền được mưu cầu hạnh phúc” là một trong những quyền quan trọng nhất của con người mà Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nêu ra trong Bản Tuyên ngôn độc lập đầu tiên. Mỗi con người, dù với những bản dạng tình dục khác nhau, đều có quyền kiếm tìm hạnh phúc. Vì thế, ai cũng đều có quyền có được một cuộc sống hạnh phúc, được thỏa mãn những nhu cầu tâm lý của bản thân và những người thuộc cộng đồng LGBT hoàn toàn có được những quyền này.

Xã hội Việt Nam ngày càng phát triển, bên cạnh những kiểu hôn nhân vẫn thường thấy thì đã xuất hiện một kiểu hôn nhân, đặc biệt: Hôn nhân đồng giới. Theo Luật hôn nhân và gia đình 2000, khoản 2 điều 8 thì Pháp luật Việt Nam vẫn cấm kết hôn đồng giới. Nhưng đến năm 2014, luật này đã thay đổi như sau: “ Nhà nước không thừa nhận hôn nhân giữa những người cùng giới tính.” Như vậy, giữa quan điểm ủng hộ và phản đối, pháp luật Việt Nam lựa chọn cách trung lập, theo đó sẽ không cấm hôn nhân đồng giới, nhưng đồng thời cũng không thừa nhận. Đây được coi là một dấu hiệu tốt trong tư tưởng của nước ta.

Về phía cá nhân tôi, tôi ủng hộ tình yêu và hôn nhân của những người cùng giới. Bởi vì hợp pháp hóa hôn nhân đồng giới thể hiện sự bình đẳng giữa các cá nhân, đề cao nhân quyền. Sẽ thật dễ dàng nếu chúng ta sinh ra được phát triển bình thường về mặt thể chất, tâm sinh lí. Nhưng hôn nhân là mục tiêu của nhiều người, và đối với những người đồng giới cũng vậy. Hôn nhân không xuất phát từ tình yêu đa phần đều kết thúc bằng nhiều bất hạnh, không chỉ cho chính những người vợ, người chồng, mà còn cho cả những người thân xung quanh họ. Việc hợp pháp hóa hôn nhân đồng giới cho thấy sự tiến bộ của đại bộ phận người dân trong xã hội trong việc nhìn nhận, đánh giá, chia sẻ, cảm thông với nhưng người xung quanh. Yêu ai và kết hôn với ai là mong muốn riêng biệt của mỗi người, chúng ta không thể tước đi quyền tự do đó của họ.

Tuy nhiên, thực tế hiện nay, hầu hết quan điểm của người dân Việt Nam vẫn hiểu rằng khái niệm kết hôn là sự kết hợp giữa nam và nữ để duy trì nòi giống, còn gia đình là tập hợp những người gắn bó với nhau do hôn nhân, quan hệ huyết thống hoặc do quan hệ nuôi dưỡng, làm phát sinh các nghĩa vụ và quyền giữa họ với nhau. Và họ đặt ra các câu hỏi rằng liệu hôn nhân cùng giới có làm suy thoái đạo đức, thay đổi chuẩn mực truyền thống hay không? Thực tế, ở Việt Nam hiện nay có khoảng 1,65 triệu người thuộc nhóm giới tính thiểu số, chiếm khoảng 3-4% dân số. Vì vậy, việc chấp nhận hôn nhân bình đẳng không hề ảnh hưởng đến giống nòi, cũng chẳng thể khiến ‘tất cả mọi người thành đồng tính’, hay cổ súy cho ‘phong trào đồng tính’ trong giới trẻ. Trong xã hội hiện đại, do áp lực của cuộc sống, mục tiêu được con người kỳ vọng nhất trước ngưỡng cửa hôn nhân là gia đình trở thành một “mái ấm”, là nơi an toàn, yên ổn, là nơi con người được thỏa mãn nhất những nhu cầu tâm lý tình cảm.

Những năm gần đây, Việt Nam cũng đã có những hoạt động và chiến dịch kêu gọi ủng hộ cho vấn đề hôn nhân cùng giới, tiêu biểu trong số đó là chiến dịch Tôi Đồng Ý. Được khởi động vào năm 2013, chiến dịch online này do các nhóm, tổ chức & cá nhân ủng hộ hôn nhân cùng giới (hay hôn nhân bình đẳng) cùng thực hiện, nhận được sự ủng hộ lớn trong cộng đồng và tạo ra dấu ấn lớn trước thềm kỳ họp Quốc hội khóa XIII, mở đường cho những thay đổi quan trọng liên quan tới việc sửa đổi luật đối với cộng đồng LGBT tại Việt Nam năm 2014.

Cuối cùng, có thể khẳng định rằng việc theo đuổi, ghi nhận quyền bình đẳng đầy đủ của cộng đồng người LGBT còn cần rất nhiều thời gian với nhiều thử thách nữa. Nhưng chúng ta có thể tin rằng, giá trị nhân văn của pháp luật dẫu nhanh hay chậm cũng sẽ ngày càng được bồi đắp, và một ngày nào đó cộng đồng người LGBT sẽ được công nhận đầy đủ các quyền bình đẳng của mình.

**KẾT LUẬN**

Qua việc nghiên cứu, phân tích lý luận chung về gia đình, thực trạng chung của gia đình Việt Nam hiện nay, em đã nhận thức rõ được những giá trị mà gia đình đem lại và ý thức được trách nhiệm của bản thân trong việc xây dựng, phát triển gia đình. Hãy biết trân trọng gia đình khi còn có thể. Thật may mắn cho ta nếu được ở trong một gia đình tràn ngập tình yêu thương. Cho những gia đình chưa thực sự hạnh phúc, mỗi người hãy cùng nhau trò chuyện, hóa giải mọi khúc mắc. Hãy cố gắng hết sức xây dựng, phát triển và bảo vệ bến đỗ tuyệt vời nhất mang tên Gia Đình.